

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HỘ ĐỘ**

Số: 45/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hộ Độ, ngày 25 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành vốn đầu tư xây dựng công trình:
Đường vào khu nuôi trồng thủy sản Phú Mỹ, xã Hộ Độ**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 của Bộ tài chính quy định về dự án quyết toán hoàn thành thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ quyết định 07/2020/QĐ-UBND ngày 26/2/2020 của UBND tỉnh ban hành một số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn Hà Tĩnh;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 26/09/2014 của UBND xã Hộ Độ phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Đường Vào khu nuôi trồng Thủy Sản Phú Mỹ, xã Hộ Độ;

Xét báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành số: /BC-TTQT ngày /04/2024, công trình Đường Vào khu nuôi trồng Thủy sản Phú Mỹ, xã Hộ Độ của tổ thẩm tra QT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư XD CB hoàn thành:

- Tên công trình: Đường Vào khu nuôi trồng Thủy Sản Phú Mỹ, xã Hộ Độ
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Hộ Độ
- Địa điểm xây dựng: xã Hộ Độ – huyện Lộc Hà
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):

Thời gian khởi công thực tế: 26/09/2014

Thời gian hoàn thành thực tế: 26/01/2015

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

| Nguồn | TMĐT dự án | Giá trị phê duyệt QT | Thực hiện | |
|-----------------|----------------------|----------------------|---------------|---------------------|
| | | | Đã thanh toán | Còn được thanh toán |
| Tổng | 1.632.674.000 | 1.423.410.000 | 0 | 342.614.000 |
| Vốn đầu tư công | 1.632.674.000 | 1.423.410.000 | 0 | 342.614.000 |
| Vốn khác | | | | |

2. Nguồn vốn đầu tư phân theo ngân sách các cấp (Tỉnh, huyện, xã):

| TT | Nguồn vốn | Được duyệt (đồng) | Thực hiện đến kỳ QT |
|-----|--|-------------------|---------------------|
| | Tổng số (1+2+3+4+5) | | |
| 1 | Ngân sách các cấp theo quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2023. Trong đó: | | |
| 1.1 | Ngân sách TW | | |
| 1.2 | Ngân sách tỉnh | | |
| 1.3 | Ngân sách huyện | | |
| 1.4 | Ngân sách xã | | |
| 2 | Ngân sách xã khác (hỗ trợ thêm ngoài chương trình xi măng) | | |
| 3 | Các nguồn vốn khác (Vốn lồng ghép 135,106,NTM....) | | |
| 4 | Vốn do tổ chức, cá nhân tài trợ | | |
| 5 | Nhân dân đóng góp. Trong đó: | | |
| 5.1 | Tiền mặt | | |
| 5.2 | Hiện vật | | |
| 5.3 | Công lao động | | |

3. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung | TMĐT | Giá trị quyết toán |
|-----|--------------------|----------------------|----------------------|
| I | Đền bù, GPMB, TĐC | 0 | 0 |
| II | Xây dựng | 1.335.616.000 | 1.271.651.000 |
| III | Thiết bị | 0 | 0 |
| IV | Quản lý dự án | 27.429.000 | 0 |
| V | Tư vấn | 171.083.000 | 151.759.000 |
| VI | Chi phí XD CB khác | 20.800.000 | - |
| VII | Dự phòng | 77.746.000 | - |
| | Cộng: | 1.632.674.000 | 1.423.410.000 |

4. Giá trị đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.
5. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Hạng mục công trình do xã quản lý |
|---------------------|--|
| Tổng số | 1.423.410.000 |
| 1. Tài sản cố định | 1.423.410.000 |
| 2. Tài sản lưu động | |

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1 - Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|--------------------|-----------------------|----------------|
| Tổng số | 1.423.410.000 | |
| 1. Vốn đầu tư công | 1.423.410.000 | |
| 2. Vốn khác | | |

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày: **/04/2024: 1.423.410.000 đồng**

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng

+ Tổng nợ phải trả: **342.614.000 đồng**

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2 - Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản, được phép ghi tăng tài sản:

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản cố định (Đồng) | Tài sản ngắn hạn |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| UBND xã Hộ Độ | 1.423.410.000 | |

3 - Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán công trình theo giá trị quyết toán được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND-UBND, Ban Tài chính, Kho bạc nhà nước Lộc Hà, thủ trưởng các cơ quan có liên quan và chủ đầu tư căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã
- Ban QLDA;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Bá Khanh

PHỤ LỤC CHI TIẾT CÔNG NỢ

Công trình: Đường Vào khu nuôi trồng Thủy Sản Phú Mỹ, xã Hộ Độ

(Kèm theo QĐ số: 45 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2024 của UBND xã Hộ Độ)

| TT | Tên đơn vị thực hiện | Nội dung công việc | Giá trị A-B đề nghị quyết toán | Giá trị thẩm tra Quyết toán | Đã chi trả | Công nợ còn tồn đọng đến ngày lập báo cáo quyết toán | |
|-----------|---|-------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-------------------|--|----------|
| | | | | | | Phải trả | Phải thu |
| I | Chi phí xây lắp | | 1.271.651.000 | 1.271.651.000 | 0 | 271.651.000 | 0 |
| 1 | Công ty TNHH xây dựng Đức Thanh | Xây dựng | 1.271.651.000 | 1.271.651.000 | 1.000.000.000 | 271.651.000 | 0 |
| II | Chi phí tư vấn đầu tư | | 151.759.000 | 151.759.000 | 80.796.000 | 70.963.000 | 0 |
| 1 | Công ty TNHH Đại Quý | Khảo sát, thiết kế lập dự án đầu tư | 120.963.000 | 120.963.000 | 50.000.000 | 70.963.000 | 0 |
| 2 | Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại 268 | Tư vấn giám sát | 30.796.000 | 30.796.000 | 30.796.000 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | | 1.423.410.000 | 1.423.410.000 | 0 | 342.614.000 | 0 |

